

Số: 150/BC-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO

Tổng kết đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp năm 2015 Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển

Phần I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp là một phương pháp nhằm kiểm tra chất lượng đầu ra của sinh viên theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng của sinh viên đối với việc đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của xã hội. Qua kết quả đánh giá sẽ giúp cho Nhà trường, các khoa và hội đồng khoa học giáo dục của nhà trường điều chỉnh, sửa đổi lại chương trình đào tạo, cách thức tiếp cận trong đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn theo yêu cầu của xã hội về sinh viên tốt nghiệp. Với mục đích đó theo sự chỉ đạo của Đại học Thái nguyên, Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp đã lựa chọn sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển để thực hiện đánh giá trong năm 2015.

Phần II: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

2.1. Đối tượng đánh giá

- Sinh viên K46 chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển, Khoa Điện tử, Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp, tốt nghiệp năm 2015.

- Số lượng sinh viên tham gia đánh giá: 50 sinh viên.

2.2. Thời gian và địa điểm đánh giá

Thời gian	Địa điểm	Nội dung
Ngày 9/05/2015	Trường đại học công nghệ thông tin và truyền thông	Sáng: Đánh giá Tiếng Anh
		Chiều: Đánh giá Tin học
Ngày 16/05/2015	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp 205 A9	Đánh giá chuyên môn

2.3. Nội dung đánh giá

- Tin học: kiến thức cơ bản.
- Ngoại ngữ: trình độ B.
- Kiến thức chuyên môn: 30 chủ đề riêng biệt.

2.4. Hội đồng đánh giá

- Ban chỉ đạo hoạt động đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ - ĐHKTCN ngày 20/3/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hội đồng đánh giá được thành lập theo QĐ số 20/QĐ - ĐHKTCN ngày 20/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Danh sách Hội đồng đánh giá

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Trần Xuân Minh	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS.TS. Nguyễn Duy Cương	Trưởng khoa Điện tử	Phó Chủ tịch HĐ
3	TS. Nguyễn Văn Chí	Trưởng BM Đo lường – Điều khiển	UV thường trực
4	TS. Đào Huy Du	P. Trưởng khoa Điện tử	Ủy viên
5	ThS. Đoàn Thanh Hải	P. Trưởng khoa Điện tử	Ủy viên
6	PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên
7	ThS. Hồ Bá Dũng	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn T. Thu Thủy	Trưởng BM Lý luận chính trị	Ủy viên
9	ThS. Ngô Phương Thanh	P. trưởng BM Đo lường – ĐK	Ủy viên
10	ThS. Bùi Mạnh Cường	GV. BM Đo lường – ĐK	Ủy viên
11	ThS. Hồ Trọng Thành	Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ -TN	UV- Nhà tuyển dụng
12	KS. Trần Thanh Tùng	GD Công ty CPTM và khai thác KS Dương Hiếu –Chi nhánh Hà Nội	UV- Nhà tuyển dụng
13	TS. Đào Phương Nam	BM Điều khiển tự động – Đại học Bách Khoa Hà Nội	UV- Giảng viên ngoài

Danh sách Ban thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Ngô Phương Thanh	P. Trưởng BM Đo lường - ĐK	Trưởng ban
2	ThS. Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	GV. BM Đo lường - ĐK	Ủy viên

2.5 Công cụ đánh giá

- Tin học: Một bài thi thực hành trên máy tính.
- Ngoại ngữ: Một bài thi trắc nghiệm.
- Kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Vấn đáp theo ngân hàng câu hỏi mà hội đồng chuyên môn thành lập.

2.6. Phương pháp đánh giá

- Về tin học và ngoại ngữ: Sinh viên thi đề chung của Đại học Thái nguyên dùng để đánh giá sinh viên tốt nghiệp trong toàn Đại học.
- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Sinh viên bốc thăm câu hỏi, chuẩn bị 30 phút, trả lời vấn đáp trước hội đồng chuyên môn về các nội dung câu hỏi.

2.7. Chỉ số đánh giá

- Về tin học và ngoại ngữ: Thang điểm 10.
- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Thang điểm 10, phần kiến thức chuyên môn là 60%, kiến thức về nhận thức xã hội 40%.

Phần III: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

3.1. Đối tượng đánh giá

- Sinh viên K46 chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển, Khoa Điện tử, Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp, tốt nghiệp năm 2015.
- Số lượng sinh viên tham gia đánh giá: 50 sinh viên

3.2 Kết quả đánh giá sinh viên

3.2.1. Đánh giá trình độ ngoại ngữ

Số sinh viên tham gia đánh giá thực tế: 30 SV; do 20SV đã đạt chuẩn TOEFL 390 theo quy định của Nhà trường.

Điểm (thang điểm 10)	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)
Điểm ≥ 8.5	0	0%
$7 \leq \text{Điểm} < 8.5$	01	3.3%
$5.5 \leq \text{Điểm} < 7$	08	26.6%
$4 \leq \text{Điểm} < 5.5$	14	46.6%
Điểm < 4	07	23.3%

3.2.2. Đánh giá trình độ tin học

Số sinh viên tham gia đánh giá thực tế: 47 SV, vắng 03 SV

Điểm (thang điểm 10)	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)
Điểm ≥ 8.5	01	2.1%
$7 \leq \text{Điểm} < 8.5$	09	19.1%
$5.5 \leq \text{Điểm} < 7$	12	25.5%
$4 \leq \text{Điểm} < 5.5$	13	27.6%
Điểm < 4	12	25.5%

3.3.3. Đánh giá chuyên môn và nhận thức xã hội

Số sinh viên tham gia đánh giá thực tế: 50 SV

Điểm (thang điểm 10)	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)
Điểm ≥ 8.5	04	8%
$7 \leq$ Điểm < 8.5	38	76%
$5.5 \leq$ Điểm < 7	08	16%
$4 \leq$ Điểm < 5.5	00	0%
Điểm < 4	00	0%

Phần IV: THẢO LUẬN

4.1. Nội dung đánh giá

- Nội dung thảo luận của Hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ và kiến thức chuyên môn, nhận thức xã hội trên cơ sở kiến thức đã học.
- Nội dung thảo luận của Hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ và kiến thức chuyên môn, nhận thức xã hội trên cơ sở mặt bằng chung của sinh viên các trường cùng chuyên ngành.
- Nội dung thảo luận của Hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ và kiến thức chuyên môn, nhận thức xã hội trên cơ sở yêu cầu thực tế đòi hỏi trong công việc.

4.2. Công cụ và phương pháp lượng giá

Công cụ:

- Nội dung chương trình kiến thức đã học của sinh viên.
- Dựa trên cơ sở trình độ mặt bằng chung của sinh viên các trường cùng chuyên ngành.
- Trên cơ sở đòi hỏi thực tế của công việc.

Phương pháp lượng giá:

- Thảo luận về đánh giá về tin học và ngoại ngữ dựa trên kết quả của sinh viên do Đại học Thái nguyên đánh giá sinh viên tốt nghiệp trong toàn Đại học.
- Thảo luận đánh giá về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội dựa trên cơ sở kết quả đánh giá sinh viên của giảng viên, nhà tuyển dụng và giảng viên trường bạn từ đó đánh giá được toàn diện sinh viên vừa có kiến thức chuyên môn nghề nghiệp vừa đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

4.3. Vai trò của chuyên gia bên ngoài và nhà tuyển dụng

Trong quá trình đánh giá sinh viên, vai trò của chuyên gia bên ngoài hết sức quan trọng, đã cho thấy tính khách quan của việc đánh giá, ngoài kiến thức chuyên môn thì chuyên gia ngoài trường yêu cầu sinh viên tốt nghiệp và đi làm cần có những kỹ năng sau:

- Kỹ năng giao tiếp.
- Kỹ năng thích nghi linh hoạt với công việc.
- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Kỹ năng hòa đồng.
- Kỹ năng tạo động lực cho bản thân.
- Kỹ năng quản lý thời gian.

Đây là các kỹ năng mà tự mỗi sinh viên cần phải có, qua quá trình đánh giá cho thấy sinh viên còn chưa đáp ứng được phần lớn những kỹ năng này. Điều này cần phải cân đối và bổ sung trong quá trình đào tạo.

Một số đóng góp thêm của các chuyên gia và giáo viên ngoài trường

- Sinh viên cần nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành và tin học văn phòng hơn nữa (ví dụ như cần nêu được tên tiếng Anh của các thiết bị điện cơ bản, các thiết bị và thuật ngữ chuyên ngành v.v); Công tác thực tập, thí nghiệm của sinh viên chưa được hiệu quả: ít thiết bị thí nghiệm, sinh viên chưa được tận tay thực hành vì số lượng thiết bị ít, thiếu (VD: thí nghiệm PLC...), gợi ý sử dụng thiết bị demo, chuyên dụng cho thí nghiệm của các hãng sản xuất thông dụng để sinh viên có thể tiếp cận được các thiết bị sản xuất này nhanh chóng do đã được làm quen trong trường Đại học (VD: Sciemer, Omron, ABB...).

- Thông qua buổi đánh giá nhận thấy ưu điểm là sinh viên chăm chỉ, chương trình đào tạo khá toàn diện, đã chú trọng đến các môn học quan trọng của ngành (VD: Hệ thống điều khiển lập trình, Thiết bị tự động...); Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhược điểm: sinh viên chưa trả lời tốt các câu hỏi linh hoạt (hỏi thêm so với đề, hỏi sâu hơn về kiến thức cơ sở cũng như chuyên ngành so với câu hỏi gốc); Góp ý xây dựng những bài giảng mang tính chất tổng hợp để cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát về một bài toán, những nhiệm vụ cụ thể để có thể tiếp cận, giải quyết từ đầu đến cuối bài toán đó.

- Nhà trường cần đề cao và đánh giá đúng giai đoạn thực tập tại xưởng và nhà máy, cơ sở sản xuất. Nhận thức của sinh viên về giai đoạn thực tập tốt nghiệp cần được nâng cao: ý thức kỷ luật (giờ giấc, trang phục), thái độ... đây là bước đệm quan trọng giữa nhà trường và thực tế.

4.4. Quá trình triển khai hoạt động đánh giá

Đây là quá trình triển khai đúng quy trình do Đại học Thái nguyên yêu cầu, các chủ đề chuyên môn tập trung vào những vấn đề kiến thức đang phổ biến trong thực tế.

4.5. Kết quả đánh giá

- Về trình độ ngoại ngữ: khoảng 25% SV có được kết quả trung bình từ 5.5 đến 7 điểm, số sinh viên đạt từ 4 đến 5.5 điểm là 46%, điểm lớn hơn 7 là 3.3% và còn lại là điểm dưới 4 chiếm 23.3%. Kết quả này hội đồng thấy rằng có sự chênh lệch khá lớn so với trình độ ngoại ngữ của các em cần phải đạt, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp yêu cầu các em phải đạt trình độ TOEFL lớn hơn 390 điểm mới được tốt nghiệp, các em đánh giá đã đạt chuẩn này. Kết quả này cho thấy có sự không tương đồng giữa các kết quả đánh giá ngoại ngữ theo các chuẩn khác nhau.

- Về trình độ tin học: khoảng 50% các em sinh viên đạt trình độ tin học trên trung bình, điểm lớn hơn 5.5. Thực tế này cho thấy rằng về kiến thức tin học các em còn nhiều vấn đề, tin học cho văn phòng, mạng và thư điện tử các em chưa quan tâm nhiều. Tuy nhiên phần kiến thức tin học cho chuyên môn các em đều nắm được trong quá trình học chuyên môn.

- Về trình độ chuyên môn và nhận thức xã hội: 100% các em đạt điểm từ 5.5 trở lên, do vậy về chuyên môn các em đã đạt được yêu cầu của các nhà tuyển dụng cũng như nắm bắt được sâu sắc về kiến thức đã học trong trường, không có em nào có điểm dưới 5.5. Đây là dấu hiệu cho thấy chương trình đào tạo đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Phần V: KIẾN NGHỊ

5.1. Đối với Đại học Thái Nguyên

- Để có kết quả đánh giá yêu cầu về trình độ tin học và ngoại ngữ một cách chính xác, phù hợp với yêu cầu sử dụng ngoại ngữ và tin học cho từng chuyên ngành (ví dụ như Tin học và ngoại ngữ cho khối ngành Kinh tế khác với cho khối ngành Kỹ thuật điện, kỹ thuật cơ khí v.v) đề nghị Đại học Thái nguyên làm việc với các Trường để đưa ra các tiêu chí và chuẩn đánh giá Tin học và Tiếng anh cho phù hợp.

5.2. Đối với Cơ sở đào tạo

- Cần đầu tư thêm nhiều trang thiết bị thí nghiệm, thực hành cho sinh viên, đặc biệt chú ý đến số lượng thiết bị cùng loại (30 -50 bộ), qua đó có thể từng sinh viên được tự mình thực hành thí nghiệm trên từng máy, sinh viên sẽ phải làm thật sự thay vì đứng nhìn, qua đó chất lượng chuyên môn cũng như kỹ năng thực tế sẽ được nâng cao lên rất nhiều.

- Đầu tư cho viết bài thí nghiệm, giáo trình giáo án theo hướng cập nhật xu thế, xu hướng của ngành.

5.3. Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển

- Chương trình đào tạo về giá trị đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội công nghiệp hiện tại, đây là một điều khẳng định chất lượng của chương trình. Tuy nhiên kỹ năng thực tế còn chưa đáp ứng được. Khả năng tự tìm tòi vấn đề và tự học của sinh viên chưa được cao, tính thụ động còn chiếm chủ yếu.

- Để sinh viên có kiến thức và kỹ năng hơn nữa, như đã nói ở trên vấn đề chính là tăng cường năng lực thực hành thí nghiệm, để sinh viên làm đồ án, bài tập trên chính các thiết bị tại phòng thí nghiệm.

Phần VI: CÁI THIỆN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH CÁI THIỆN NĂM 2015

Ngày 11 tháng 8 năm 2015, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp năm 2015. Hội nghị đã tiến hành với các nội dung:

- Báo cáo các hoạt động cải thiện chất lượng chương trình đào tạo được đánh giá năm 2014.

- Tổng kết hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp năm 2015.

- Lập kế hoạch cải thiện chất lượng CTĐT các chương trình được đánh giá năm 2015 và các ý kiến đề xuất nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp.

6.1. Cải thiện chất lượng chương trình đào tạo đã được đánh giá năm 2014

6.1.1. Chuyên ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp

- Về Ngoại ngữ và tin học, kết quả đánh giá còn chưa cao. Nguyên nhân là do sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ và tin học trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa, hội nhập và phát triển ngày nay. Những lĩnh vực này, dưới sự chỉ đạo chung của BGH Nhà trường, Nhà trường đã triển khai nhiều nội dung để cụ thể hóa đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, chứng chỉ quốc tế về tin học IC3. Trong một năm vừa qua có thể nhận thấy những kết quả vượt bậc của sinh viên về khả năng nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học.

- Về công tác chuyên môn, để cải thiện chương trình đào tạo ngành Tự động hóa XNCN, khoa chuyên môn đã triển khai thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, dựa trên nhu cầu từ phía các nhà tuyển dụng, để kịp thời đáp ứng được yêu cầu xã hội, khoa Điện đã xây dựng lại chương trình đào tạo mới áp dụng từ K47. Trong đó nhiều môn học được thay đổi nội dung cho phù hợp. Khoa chủ động thay đổi 2 HP tự chọn kỹ thuật 1. Học phần Logic mờ & mạng nơ-ron, Lý thuyết điều khiển nâng cao là những môn học có tính hàn lâm cao, thay vào đó là môn Điều khiển ghép nối PLC và Điều khiển tần số động cơ xoay chiều. Đây là những học phần được xây dựng hoàn toàn mới xuất phát từ yêu cầu thực tế, đòi hỏi của những kỹ sư tự động hóa thời đại ngày nay.

Thứ hai, cùng với đề án chung của Nhà trường, để nâng cao năng lực của các kỹ sư ngành Tự động hóa XNCN, gắn liền lý thuyết và thực tiễn; các modul thí nghiệm trước đây được tổ chức làm học phần riêng nay đã gắn kết với nội dung môn học và là điều kiện tiên quyết của môn học. Các thiết bị thí nghiệm đã được chuyển về khoa để khoa và bộ môn chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý và khai thác. Đây là một hướng đi kịp thời giúp sinh viên thường xuyên tiếp cận được với những máy móc thực tế, làm rõ hơn những kiến thức hàn lâm trên sách vở; đồng thời khơi gợi ham muốn nghiên cứu khoa học. Sinh viên dưới sự hướng dẫn của các thầy cô ở bộ môn chuyên môn sẽ có cơ hội triển khai những đề tài dựa trên những thiết bị thí nghiệm mà nhà trường trang bị cũng như xây dựng thêm những mô hình mới phục vụ công tác học tập và thí nghiệm của những sinh viên khóa sau.

Thứ ba, từ K47 trở đi, toàn bộ sinh viên đều phải thực hiện làm đồ án tốt nghiệp. Do mục đích cuối cùng của bất cứ chương trình đào tạo nào đều là đáp ứng nhu cầu xã hội, là sự thích ứng tốt nhất của sinh viên sau khi ra trường với môi trường làm việc. Làm đồ án tốt

nghiệp là sinh viên phải tập làm một kỹ sư với đầy đủ các bước thiết kế từ đặt vấn đề đến kết thúc vấn đề. Còn quá trình bảo vệ đồ án tốt nghiệp, ngoài việc biện luận, phản biện về đề tài để chứng minh tính khả thi của phương án mình đưa ra còn là một cơ hội rèn luyện tốt khả năng thuyết trình, bảo vệ luận cứ luận điểm của mình trước hội đồng. Đây coi như là bước kiểm tra, đánh giá cuối cùng hết sức cần thiết, đồng thời trang bị cho sinh viên những hành trang đầu tiên khi chuẩn bị bước ra ngoài xã hội.

6.1.2. Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

- Về Ngoại ngữ và Tin học, qua kết quả đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp còn chưa cao. Nguyên nhân có thể do trong chương trình đào tạo thời lượng cho 2 môn học này còn ít. Vì vậy, cần thiết phải xem xét và điều chỉnh thời lượng trong chương trình đào tạo cho 2 môn học này. Thêm vào đó, trong quá trình học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành cần thiết phải đưa việc sử dụng ngoại ngữ, tin học vào trong chương trình và quá trình giảng dạy.

- Về công tác chuyên môn, để cải thiện chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp, khoa chuyên môn đã triển khai thực hiện một số nội dung sau:

Một là, với kiến thức khối chuyên ngành đã tăng cường sự hiểu biết thực tế cho sinh viên bằng cách huy động các nguồn lực của giảng viên để sinh viên dễ dàng đi thực tế đến cơ sở sản xuất nhiều hơn, thường xuyên hơn. Thành lập các câu lạc bộ học thuật để chế tạo ra các sản phẩm như các mô hình nhà, công trình mang tính thực tiễn làm công cụ giảng dạy cho sinh viên. Thường xuyên mời các cựu sinh viên và những nhà doanh nghiệp cùng tham gia hướng dẫn sinh viên trong các đợt thực tập công nhân và thực tập tốt nghiệp. Sinh viên được tham gia vào một số công đoạn thiết kế, thi công, giám sát các công trình đang xây dựng trong khi đang học một số học phần có kiến thức liên quan.

Hai là, với kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ và tin học, sinh viên đã được thực hành nhiều hơn do trong bài giảng của giảng viên có lồng ghép việc ra các bài tập có sử dụng ngoại ngữ và tin học. Ngoài ra, dưới sự chỉ đạo của nhà trường trong việc ra bài tập từ sách tiếng anh đã góp phần cải thiện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ tốt hơn.

Sau một năm kể từ khi được đánh giá hiện trạng sinh viên năm 2014 có thể nhận thấy chương trình đào tạo và cách thức giảng viên triển khai trong giảng dạy đã được cải thiện hơn nhiều, bước đầu thu được kết quả là nhiều sinh viên có niềm tin hơn vào việc học tập và tiếp thu kiến thức.

6.2. Kế hoạch cải thiện chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được đánh giá năm 2015

- Chú trọng nâng cao chất lượng các học phần thực tập tại xưởng (tăng cường số lượng các trang thiết bị, nếu được 1,2 sinh viên thực hiện một bài).

- Chú trọng nâng cao chất lượng các bài thực hành, thí nghiệm cơ sở ngành, tăng số lượng các thiết bị nhằm giảm thiểu số lượng sinh viên cùng thực hiện đồng thời trên một thiết bị, cho phép sinh viên tương tác với thiết bị nhiều hơn.

- Triệt để không để sinh viên học không đúng trình tự các môn học trong chương trình đào tạo, tuân thủ các môn học trước, học sau theo đúng phân kỳ.

- Tiếp tục thực hiện phân chuyên ngành ngay từ khi nhập trường (ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa).

- Cần đầu tư thêm nhiều trang thiết bị thí nghiệm, thực hành cho sinh viên, đặc biệt chú ý đến số lượng thiết bị cùng loại (30 -50 bộ), để từng sinh viên được tự mình thực hành thí nghiệm trên từng máy, qua đó chất lượng chuyên môn cũng như kỹ năng thực tế sẽ được nâng cao lên rất nhiều.

- Đầu tư cho viết bài thí nghiệm, giáo trình giáo án theo hướng cập nhật xu thế, xu hướng của ngành.

- Thúc đẩy và hướng sinh viên tiếp cận và nghiên cứu khoa học từ sớm, qua đó rèn luyện kỹ năng và tư duy của sinh viên.

20/11/2011
Nơi nhận:

- Ban KT&ĐBCLGD-DHTN;
- Ban Giám Hiệu (để b/c);
- Khoa Điện tử;
- Lưu VT; KT&ĐBCLGD.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Minh Đức



**TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2015
CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN**

(Kèm theo báo cáo số: 150/BC-ĐHKTCN ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng trường ĐHKTCN)

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Đánh giá chuyên môn 60%		Đánh giá tư tưởng chính trị, NTXH 40%			Điểm kết luận chuyên môn và NTXH	Điểm ngoại ngữ	Điểm tin học
				Điểm 1	Điểm 2	Điểm 1	Điểm 2	Điểm 3			
1.	DTK0951030032	Tạ Đình	Khoa	7	6	6	8	4	6.3	5.25	0
2.	DTK0951030062	Phạm Văn	Tiếp	8	8	6	8	6	7.5	5.75	8
3.	DTK0951030076	Nguyễn Tuấn	Anh	8	8	6	9	8	7.9	5.5	6
4.	DTK0951030141	Lý Quang	Trung	8	8	6	8	7	7.6	5.5	7.75
5.	DTK1051030008	Dương Thị Hồng	Cúc	9	8	6	8	5	7.6	TOEFL390	2.25
6.	DTK1051030009	Nguyễn Trung	Dũng	6	5	7	8	6	6.1	3.5	5.5
7.	DTK1051030015	Phan Văn	Đức	9	8	8	8	4	7.8	4.5	5.25
8.	DTK1051030023	Trịnh Quang	Hợp	9	8	6	6	5	7.4	7.25	3
9.	DTK1051030028	Nguyễn Thị	Huyền	8.5	5	6	7	4	6.3	6.5	5.75
10.	DTK1051030044	Nguyễn Văn	Quân	9	8	6	8	9	8.2	5.5	5
11.	DTK1051030048	Nguyễn Văn	Quyết	10	9	6	9	9	8.9	TOEFL390	7.5
12.	DTK1051030049	Nguyễn Hoàng	Son	9	7.5	6	7	4	7.2	4.5	2.25
13.	DTK1051030050	Lê Văn	Tư	9.5	9	6	6	7	8.1	3.75	6.75
14.	DTK1051030051	Trần Ngọc	Tân	9.5	7.5	6	9	5	7.8	3.5	4.25
15.	DTK1051030056	Phạm Thị	Thu	9	8	6	8	7	7.9	TOEFL390	1.75
16.	DTK1051030063	Phạm Văn	Truông g	8	7	7	8	8	7.6	TOEFL390	5.5
17.	DTK1051030074	Nguyễn Văn	Anh	8.5	9	8	9	10	8.9	TOEFL390	6
18.	DTK1051030076	Lương Đức	Bảy	9.5	7	8	8	8	8.2	4.5	5.5
19.	DTK1051030085	Nguyễn Trung	Đoàn	7	6	7	9	9	7.2	4.75	5.75

20.	DTK1051030089	Nguyễn Văn Hải	9	7	8	8	5	7.6	4	5
21.	DTK1051030091	Nguyễn Thế Học	9	8	7	7	7	7.9	TOEFL390	5
22.	DTK1051030097	Chu Văn Hon	9	8	6.5	8	8	8.1	6.75	1.75
23.	DTK1051030123	Đào Thị Tươi	7	7	7.5	8	8	7.3	TOEFL390	4.5
24.	DTK1051030125	Tô Văn Thảo	10	8	7	8	7	8.3	5.5	2.25
25.	DTK1051030135	Lèng Văn Trong	10	8	8	7	5	8.1	1.5	4.5
26.	DTK1051030164	Lô Thị Hiện	8	7	8	9	9	8	TOEFL390	2.75
27.	DTK1051030181	Dương Tiến Ngọc	9	8	6	9	9	8.3	3.5	0
28.	DTK1051030184	Lê Thị Hồng Nhung	9.5	6	7	8	6	7.5	TOEFL390	2.75
29.	DTK1051030189	Nguyễn Văn Quế	9.5	8	8	8	8	8.5	5.75	3
30.	DTK1051030210	Nguyễn Thế Văn	9	6	6	8	6	7.2	5	2.5
31.	DTK1051030214	Trần Đức Anh	7	6	6	9	10	7.2	3.75	4
32.	DTK1051030217	Vũ Mạnh Cường	6	5	7	8	9	6.5	4	5.25
33.	DTK1051030405	Nguyễn Hải Yên	9	6	7	7	5	7	TOEFL390	7.75
34.	DTK1051030246	Vũ Bình Luật	8	8	7	8	8	7.9	4.5	7.75
35.	DTK1051030248	Phạm Bá Mạnh	7	8	8	8	9	7.8	TOEFL390	6.75
36.	DTK1051030261	Nguyễn Thái Sơn	6	8	8	8	8	7.4	5	6.5
37.	DTK1051030264	Bùi Thọ Thăng	6	7	8	8	5	6.7	4.5	4
38.	DTK1051030271	Nguyễn Thanh Tùng		6	7.5	9	9	7	TOEFL390	7
39.	DTK1051030272	Hoàng Khắc Tiến	7	6	7.5	7	7	6.8	4.25	5.75
40.	DTK1051030273	Ngô Thanh Tú	8	8	7	8	6	7.6	4.75	5.75
41.	DTK1051030282	Tô Cao Xanh	9.5	7	7.5	9	8	8.2	TOEFL390	7.75
42.	DTK1051030284	Phạm Thị Vân Anh	8	6	7	9	9	7.5	TOEFL390	7
43.	DTK1051030287	Lê Văn Bình	9	8	6	9	9	8.3	TOEFL390	8
44.	DTK1051030288	Nguyễn Thanh Bình	7	8	6	7	6	7	5	4.25
45.	DTK1051030293	Phạm Quang Dương	8	7	8	9	8	7.8	TOEFL390	3.75
46.	DTK1051030301	Lê Văn Hải	9.5	8.5	6	9	8	8.5	3.25	5.5
47.	DTK1051030304	Nguyễn Văn Hường	6	6	6	9	8	6.7	TOEFL390	3

48.	DTK1051030322	Nguyễn Hoài	Nam	6	6	7	6	7	6.3	TOEFL39 0	8.5
49.	DTK1051030327	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	6	7	8	8	7	7	TOEFL39 0	7.25
50.	DTK1051030356	Đặng Thị	Triển	9	8	7	9	9	8.4	TOEFL39 0	5.25

20/11/2011

Ghi chú:

Điểm 1: GV trong trường

Điểm 2: GV ngoài trường

Điểm 3: Nhà tuyển dụng

Điểm 4 và Điểm 5: LL chính trị và Nhận thức XH

